

Bản án số: 148/2024/HSST

Ngày: 29/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung.

Bà Phan Thị Nhụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2024/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1986. Tên gọi khác : Không

HKTT: Số a, Tổ b, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1960 và bà Lương Thị X, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Trần Thị Bích H, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 15/2011/HSST ngày 01/3/2011 bị cáo bị TAND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 59 tháng 16 ngày về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 01/3/2011.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2024 đến ngày 02/3/2024 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Quang D, sinh năm 1992. Tên gọi khác : Không

HKTT: thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Đỗ Thị Thùy D, sinh năm 1996 và 03 con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 02/3/2024 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996. Tên gọi khác : Không

HKTT: Thôn a D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1974; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 02/3/2024 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Duy H, sinh năm 1986. Tên gọi khác : Không

HKTT: Số nhà a, đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Quế, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Lộc, sinh năm 1960; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Thu Hà và 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 02/3/2024 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố V, phường C, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Anh Hoàng Đình S1, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố Đ, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

4. Anh Lê Ngọc Ng, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu a, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
5. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố L, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
6. Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố T, phường C, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
7. Anh Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố M, phường Ph, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
8. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố T, phường C, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
9. Anh Phạm Đình Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
10. Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố C, phường N, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
11. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn V, xã V, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
12. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố G, phường VH, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
13. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; khu phố Y, phường PL, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
14. Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1982; khu phố L, phường VH, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
15. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố L, phường Q, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
16. Anh Lại Hữu V, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố N, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
17. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố C, phường N, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
18. Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố N, phường VH, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
19. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố Ch, phường B, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

20. Anh Bùi Xuân Đ2, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố X, phường B, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

21. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Th, xã CL, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

22. Anh Mai Văn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

23. Anh Tăng Viết T4, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu b, Phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

24. Anh Hoàng Vương L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn C, xã CP, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1986, HKTT: Số a, tổ b, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng thuê nhà ông Nguyễn Xuân Tr với mục đích làm địa điểm để giao dịch cho vay tiền dưới hình thức bóc bắt họ lấy lãi suất cao. Để thực hiện công việc S thuê Lê Quang D, sinh năm 1992, HKTT: thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996, HKTT: Thôn a D, T, A, TP Hải Phòng (tháng 5/2023) và Trần Duy H, sinh năm 1986, HKTT: Số a, đường A, phường Đ, quận Ng, tỉnh Hải Phòng (Tháng 8/2023). Trong đó, S giao trực tiếp cho D quản lý, còn Tuấn A và H giúp việc cho D. D in các tờ giấy, bạt có chữ “Cho vay tiền không cần thế chấp 0976191158”; “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; “Cho vay tiền không cần thế chấp giải ngân trong vòng 5 phút: 0976191158” dán ở khu vực có dân cư sinh sống.

Về cách thức thực hiện hành vi cho vay, dưới hình thức “bóc bắt họ”. Thời gian vay 01 bắt họ trong vòng 60 ngày. Khách vay cần trả tiền gốc và lãi được chia đều cho 12 kỳ, mỗi kỳ là 5 ngày. S giao cho D tổng số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền cho vay thấp nhất là 5.000.000 đồng, cao nhất là 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Khi vay 5.000.000 đồng (Trong giấy tờ ghi 6.000.000 đồng), trả trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, tổng số tiền phải đóng là 6.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền phí hồ sơ. Vay 10.000.000 đồng (Trong giấy tờ ghi 12.000.000

đồng), trả trong 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tổng số tiền phải đóng là 12.000.000 đồng và 300.000 đồng tiền phí hồ sơ. Vay 15.000.000 đồng (Trong giấy tờ ghi 18.000.000 đồng), trả trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 450.000 đồng, tổng số tiền phải đóng là 18.000.000 đồng và 450.000 đồng tiền phí hồ sơ. Vay 20.000.000 đồng (Giấy tờ ghi 24.000.000 đồng), trả trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, tổng số tiền phải đóng là 24.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền phí hồ sơ. D giải ngân bằng tiền mặt hoặc sử dụng số tài khoản 0031000269884 tên LE QUANG DUNG ngân hàng Vietcombank để chuyển tiền giải ngân và dùng số tài khoản 8395556666 tên LE QUANG DUNG ngân hàng SHB Sài Gòn Hà Nội để nhận tiền đóng gốc, lãi.

Người vay trả tiền gốc và lãi theo ngày và tối đa là 05 ngày trả một lần. Người vay viết "Giấy đặt cọc tiền bán xe máy" và ký tên vào phần "Người viết đơn, người bán xe, người nhận tiền". Người vay được giữ bản sao, người cho vay giữ lại bản chính. Sau khi cho vay, người cho vay ghi vào sổ theo dõi với các nội dung: Tên người vay, ngày vay, số tiền vay, số tiền gốc trả, số tiền lãi người vay trả. Việc ghi chép sổ sách như vậy để người cho vay dễ theo dõi, thống kê kết quả cho vay, thu lãi báo cáo và chuyển tiền lãi cho S.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024, S, D, Tuấn A và H (gọi tắt là nhóm của S) đã cho 24 người với 72 lượt vay dưới hình thức bóc bát họ, cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991, HKTT: Khu phố V, phường C, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Ngày 20/06/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng (đã trả hết gốc). Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lời bất hợp pháp là **1.780.822** đồng và phí hồ sơ là **300.000** đồng.

Anh Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1976, HKTT: Khu phố Q, phường Q, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh trong các ngày 12/12/2023 và ngày 11/01/2024 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng (đã trả 22.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã trả là 4.400.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi theo quy định là 482.192 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **3.917.808** đồng và phí hồ sơ là **1.200.000** đồng.

Anh Hoàng Đình S, sinh năm 1975, HKTT: Khu phố Đ, phường P, thị xã Quế Võ ngày 21/11/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng (đã trả hết số tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lời bất hợp pháp là **1.780.822** đồng và phí hồ sơ là **300.000** đồng.

Anh Lê Ngọc Ng, sinh năm 1983, HKTT: Khu phố 5, phường P, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Trong các ngày 10/05/2023; ngày 01/06/2023; ngày 21/06/2023; ngày 13/07/2023; ngày 08/08/2023; ngày 09/09/2023; ngày 18/10/2023; ngày 21/11/2023 và ngày 20/12/2023 vay số tiền 135.000.000 đồng (đã trả hết số tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu là 25.125.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định là 2.726.424 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **22.398.576** đồng và phí hồ sơ là **4.250.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985, HKTT: Khu phố L, phường Q, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Trong các ngày 05/7/2023; ngày 10/8/2023; ngày 28/8/2023; ngày 02/10/2023; ngày 10/11/2023; ngày 07/12/2023 anh Thuận vay tổng số 45.000.000 đồng (đã trả hết số tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu là 8.500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 849.316 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là **7.650.684** đồng và phí hồ sơ là **1.500.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988, HKTT: Khu phố T, phường C, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Vào các ngày 12/5/2023; ngày 21/6/2023 và ngày 28/11/2023 vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng (đã trả 41.250.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 8.250.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định là 904.109 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **7.345.891** đồng và phí hồ sơ là **1.500.000** đồng.

Anh Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1976, HKTT: Khu phố M, phường Ph, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Vào các ngày 13/5/2023; ngày 31/7/2023; ngày 29/8/2023; ngày 26/9/2023; ngày 23/10/2023; ngày 18/11/2023; ngày 15/12/2023 vay tổng số tiền là 140.000.000 đồng (đã trả 135.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 27.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu theo quy định 2.958.903 đồng, số tiền thu lãi bất hợp pháp **24.041.097** đồng và phí hồ sơ là **4.200.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, HKTT: Khu phố T, phường C, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Vào các ngày 30/6/2023; ngày 30/7/2023; ngày 29/8/2023; ngày 26/9/2023 vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng (đã trả 33.750.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 6.750.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 739.726 đồng, tiền thu lãi bất hợp pháp là **6.010.274** đồng và phí hồ sơ là **1.200.000** đồng.

Anh Phạm Đình Tr, sinh năm 1982, HKTT: Khu phố Q, phường Q, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Vào các ngày 26/10/2023; ngày 17/11/2023 vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng (đã trả 13.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 2.600.000

đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 275.534 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là **2.324.466** đồng và phí hồ sơ là **500.000** đồng.

Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1980, HKTT: Khu phố C, phường Nhân Hoà, thị xã Quế Võ ngày 22/11/2023 và ngày 21/12/2023 vay tổng số tiền 30.000.000 đồng (đã trả 24.750.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 4.950.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 542.466 đồng, tiền thu lãi bất hợp pháp là **4.407.534** đồng và phí hồ sơ là **1.000.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, HKTT: V, V, Quế Võ ngày 28/8/2023 và ngày 21/10/2023 vay tổng số tiền 20.000.000 đồng(đã trả hết tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu 4.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 438,356 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là **3.561.644** đồng và phí hồ sơ là **600.000** đồng.

Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1980, HKTT: Khu phố G, phường VH, thị xã Quế Võ vào các ngày 02/06/2023; ngày 19/7/2023 và ngày 01/01/2024 vay tổng số tiền 55.000.000 đồng(đã trả 44.500.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu 8.900.000 đồng. Trong đó, tiền lãi thu theo quy định 975.343 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là **7.924.657** đồng và phí hồ sơ là **1.650.000** đồng.

Chị Nguyễn Thị Thuỷ, sinh năm 1982, HKTT: Khu phố Y, phường PL, thị xã Quế Võ ngày 11/12/2023 vay 20.000.000 đồng (đã trả 16.500.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 3.300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 361.644 đồng, tiền lãi thu lãi bất hợp pháp là **2.938.356** đồng và phí hồ sơ là **600.000** đồng.

Anh Nguyễn Kim N, sinh năm 1982, HKTT: Khu phố L, phường VH, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh: Trong các ngày 02/8/2023; ngày 24/8/2023; ngày 20/9/2023; ngày 09/11/2023 và ngày 26/12/2023 vay tổng số tiền 35.000.000 đồng (đã trả 31.250.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 6.125.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 477.740 đồng, thu tiền lãi bất hợp pháp là **5.647.260** đồng và phí hồ sơ là **1.400.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, HKTT: Khu phố L, phường Q, thị xã Quế Võ ngày 03/01/2024 vay số tiền 5.000.000 đồng(đã trả 3.500.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 700.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 57.534 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là **642.466** đồng và phí hồ sơ là **200.000** đồng.

Anh Lại Hữu V, sinh năm 1981, HKTT: Khu N, phường P, thị xã Quế Võ ngày 24/8/2023 vay 5.000.000đồng (đã trả 4.166.667 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 833.333đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định 68.493 đồng, tiền lãi bất hợp pháp **764.840** đồng và phí hồ sơ là **200.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, HKTT: Khu phố C, phường Nhân Hoà, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh ngày 17/5/2023; 01/08/2023 và ngày 23/11/2023 vay tổng số tiền 30.000.000đồng (đã trả 27.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 5.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định 591.781 đồng, thu tiền lãi bất hợp pháp **4.808.219** đồng và phí hồ sơ là **900.000** đồng.

Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1979, HKTT: Khu phố N, phường VH, thị xã Quế Võ ngày 05/8/2023 và ngày 09/09/2023 vay tổng số tiền 25.000.000 đồng (đã trả 16.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 3.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 350.685 đồng, thu tiền lãi bất hợp pháp **2.849.315** đồng và phí hồ sơ là **750.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978, HKTT: Khu phố Ch, phường B, thị xã Quế Võ ngày 26/8/2023 vay số tiền 15.000.000 đồng (đã trả 11.250.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu 2.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 246.575 đồng, tiền lãi thu bất hợp pháp là **2.003.425** đồng và phí hồ sơ là **450.000** đồng.

Anh Bùi Xuân Đ2, sinh năm 1993, HKTT: Khu phố X, phường B, thị xã Quế Võ, Bắc Ninh vào các ngày 13/8/2023; ngày 16/9/2023; ngày 30/10/2023, ngày 23/11/2023 và ngày 03/01/2024 vay tổng số tiền 100.000.000 đồng (đã trả 85.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu 17.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 1.863.013 đồng, thu tiền lãi bất hợp pháp **15.136.987** đồng và phí hồ sơ là **3.000.000** đồng.

Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983, HKTT: Thôn Thuỷ, xã CL, thị xã Quế Võ ngày 04/8/2023 vay số tiền 20.000.000 đồng (đã trả hết tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi thu theo quy định là 438.356 đồng, tiền lãi thu lời bất hợp pháp là **3.561.644** đồng và phí hồ sơ là **600.000** đồng.

Anh Mai Văn H1, sinh năm 1970, HKTT: Đông Du Núi, xã Đ, thị xã Quế Võ ngày 10/12/2023 và ngày 10/01/2024 vay tổng số tiền 20.000.000 đồng (đã trả 11.250.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu 2.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi

được thu theo quy định là 246.575 đồng, tiền thu lãi bất hợp pháp **2.003.425** đồng và phí hồ sơ là **600.000** đồng.

Anh Tăng Viết T4, sinh năm 1992, HKTT: Khu phố 2, phường P, thị xã Quế Võ vào các ngày 28/11/2023; ngày 06/12/2023 và ngày 09/01/2024 vay tổng số tiền 30.000.000 đồng (đã trả 27.500.000 đồng). Tổng số tiền lãi đã thu 5.500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 602.740 đồng, tiền lãi thu bất hợp pháp là **4.897.260** đồng và thu tiền phí hồ sơ là **900.000** đồng .

Anh Hoàng Vương L, sinh năm 1981, HKTT: Châu Cầu, phường B, thị xã Quế Võ vào các ngày 01/05/2023; ngày 11/6/2023; ngày 19/7/2023; ngày 18/8/2023 và ngày 26/9/2023 vay tổng số tiền 100.000.000 đồng (trả hết số tiền vay). Tổng số tiền lãi đã thu 20.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 2.191.780 đồng, tiền lãi đã thu bất hợp pháp **17.808.220** đồng và phí hồ sơ là **3.000.000** đồng.

Như vậy tổng số tiền Nguyễn Tuấn S, Lê Quang D và Nguyễn Tuấn A cho vay tiền dưới hình thức bóc bất họ là **995.000.000 đồng**. Tổng số tiền lãi đã thu là **175.158.333 đồng**; Tiền thu lời bất hợp pháp là **156,196,693 đồng** và thu tiền phí hồ sơ trái quy định là **30.800.000 đồng**. Trong đó, Trần Duy H làm việc từ tháng 8/2023 đến tháng 01/2024 thu tiền lời bất chính cùng nhóm S là **106.306.280 đồng** và thu tiền phí hồ sơ trái phép là **22.350.000 đồng**.

Cùng ngày 5/3/2024, anh Nguyễn Hữu Đ1 giao nộp số tiền 13.280.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th1 giao nộp số tiền 100.000 đồng; anh Nguyễn Văn Q giao nộp số tiền 690.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ch giao nộp số tiền 1.160.000 đồng; anh Nguyễn Đăng B giao nộp số tiền 5.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn N1 giao nộp số tiền 1.380.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thuỷ giao nộp số tiền 40.000 đồng; anh Mai Văn H1 giao nộp số tiền 6.340.000 đồng, tổng số là 28.590.000 đồng. Đây là số tiền anh Đồng, anh Thịnh, anh Quyết, chị Chinh, anh Biên, anh Nguyên, chị Thuỷ, anh Hương còn nợ của S, H, D và Tuấn A.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Ipad Gen 10, màu xanh tím than, số seri: D7TM22CDCW (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone XS MAX màu vàng, số Imei: 357275096458085 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone 6s màu trắng bạc, số Imei: 353341076517870 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98 B1- 706.87 số khung: 615034, số máy 3415143; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số Imei: 359231069972063; 01 điện thoại

đi động Iphone 7 Plus màu đen, số Imei: 355352087061277; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei: 355769079253622 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98B1 – 706.87..

- 22 (hai mươi hai) tờ rơi in trên khổ giấy A4, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp 0976191158”; 26 (hai mươi sáu) tờ rơi in trên khổ giấy A4, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp 0936792331”; 10 (mười) bạt in quảng cáo, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp giải ngân trong 5 phút, ĐT: 0976191158”; 06 (sáu) tờ giấy khổ A4 có nội dung ghi mẫu giấy đặt cọc tiền bán xe máy; 28 (hai mươi tám) tờ giấy dán, nội dung: “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; 01 (một) chiếc búa đinh; 50 (năm mươi) chiếc đinh kim loại; 01 (một) chiếc bút bi, mực màu xanh; 01 (một) chiếc bút bi, mực màu đỏ; 01 (một) bộ hồ sơ, gồm: 01 giấy đặt cọc tiền bán xe máy, 01 CCCD số 02774002094 mang tên Phạm Văn T, sinh năm 1974, HKTT: Thôn V, B, Quế Võ, Bắc Ninh; 01 bằng tốt nghiệp đại học Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, số hiệu bằng A0150521; 01 chứng chỉ của Trường đại học Nội vụ Hà Nội; 01 bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp số hiệu B 789597 của Trường Đại học sao đỏ; 01 giấy chứng nhận, QĐ số 378 của Cơ quan thú y vùng II; 01 chứng chỉ số 69-181 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam; 01 bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, số hiệu bằng 427707, tất cả đều mang tên Nguyễn Đăng B; 01 tờ giấy có A4 có nội dung danh sách thông tin 24 người vay, 01 Giấy đặt cọc mua bán xe máy đề ngày 04/8/2024; 01 CCCD mang tên Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983, HKTT: thôn Th, xã CL, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; 01 CCCD mang tên Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1979, HKTT: Thôn V, B, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền mua bán xe máy đề ngày 15/01/2024, 01 Giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 12/12/2023 và Giấy đăng ký xe mô tô số 0000810 mang tên Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1976; HKTT: Q, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 23/11/2023 và CCCD số 027075001175 mang tên Hoàng Đình S1, sinh năm 1975, HKTT: Đ, P, Quế Võ, Bắc Ninh; 01 Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 21/6/2023 và CCCD số 034083022188 mang tên Lê Ngọc Ng, sinh năm 1983; HKTT: Khu a, P, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt tiền bán xe máy đề ngày 10/11/2023 và CCCD số 027085001812 mang tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 và CMTND số 124347410 mang tên Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988; HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/5/2023 và CMTND mang tên Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1976, HKTT: M, Ph, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt

cọc tiền bán xe máy đề ngày 30/6/2023 và CCCD số 027087003996 mang tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/10/2023 và CCCD số 027082009203 mang tên Phạm Đình Tr, sinh năm 1982, HKTT: Q, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 22/11/2023 và CCCD số 027080010869 mang tên Nguyễn Thế T, sinh năm 1980, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/8/2023 và sổ BHXH mã số 2720501017 và CCCD số 027089004967 mang tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, HKTT: V, V, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 02/6/2023 và Bằng tốt nghiệp cao đẳng dược số 0172 mang tên Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1983, HKTT: G, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 11/12/2023 mang tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982, HKTT: Y, PL, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 02/8/2023 và CCCD số 027082008003 mang tên Nguyễn Kim N, sinh năm 1982, HKTT: Lừa, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 03/01/2024 và CCCD số 027080008222 mang tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy, sổ hộ khẩu mang tên Lại Hữu V, sinh năm 1981 và bằng tốt nghiệp đại học số A211674 mang tên Lại Hữu V, sinh năm 1981, HKTT: N, P, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 17/5/2023, 22/11/2023 và Giấy phép lái xe số 270119270838 mang tên Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 05/8/2023, ngày 09/9/2023 mang tên Nguyễn Đăng B, sinh năm 1979; HKTT: N, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/8/2023 và Giấy phép lái xe số 270110697683 mang tên Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978; HKTT: thôn Chùa, B, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 10/12/2023 và CMTND số 125067576 mang tên Mai Văn H1, HKTT: Đông Du Núi, Đ, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 và CCCD số 008092008078 mang tên Tăng Viết T4, sinh năm 1992, HKTT: Khu b, P, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 08/8/2023 và CCCD số 027081003194 mang tên Hoàng Vương L, sinh năm 1981, HKTT: Châu Cầu, Châu Phong, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/8/2023 mang tên Bùi Xuân Đ2, sinh năm 1993, HKTT: X, B, Quế Võ, Bắc Ninh

*** Xử lý vật chứng:**

Đối với những giấy tờ: căn cước công dân (CCCD), chứng minh thư nhân dân (CMTND), sổ hộ khẩu, bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp

trung cấp chuyên nghiệp, giấy chứng nhận, giấy đăng ký xe mô tô, sổ bảo hiểm xã hội, bằng tốt nghiệp cao đẳng nêu trên, quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu.

Vật chứng còn lại của vụ án: 01 Ipad Gen 10, màu xanh tím than, số seri: D7TM22CDCW (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone XS MAX màu vàng, số Imei: 357275096458085 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone 6s màu trắng bạc, số Imei: 353341076517870 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98 B1- 706.87 số khung: 615034, số máy 3415143; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số Imei: 359231069972063; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imei: 355352087061277; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei: 355769079253622; 10 (mười) bạt in quảng cáo, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp giải ngân trong 5 phút, ĐT: 0976191158”; 28 (hai mươi tám) tờ giấy dán, nội dung: “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; 01 chiếc búa đinh; 50 chiếc đinh kim loại; 01 chiếc bút bi mực màu xanh; **01 chiếc bút bi mực màu đỏ và** giấy đặt cọc tiền bán xe máy mang tên Phạm Văn Thành, sinh năm 1974, HKTT: Thôn V, B, Quế Võ, Bắc Ninh; 01 tờ giấy có A4 có nội dung danh sách thông tin 24 người vay, giấy đặt cọc mua bán xe máy đề ngày 04/8/2024 mang tên Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983, HKTT: thôn Th, xã CL, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền mua bán xe máy đề ngày 15/01/2024, giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 12/12/2023; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 23/11/2023 mang tên Hoàng Đình S1, sinh năm 1975, HKTT: Đ, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 21/6/2023 mang tên Lê Ngọc Ng, sinh năm 1983; HKTT: Khu a, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt tiền bán xe máy đề ngày 10/11/2023 mang tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 mang tên Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988; HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/5/2023 mang tên Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1976, HKTT: M, Ph, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 30/6/2023 mang tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/10/2023 mang tên Phạm Đình Tr, sinh năm 1982, HKTT: Q, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 22/11/2023 mang tên Nguyễn Thế T, sinh năm 1980, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/8/2023 mang tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, HKTT: V, V, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày

02/6/2023 mang tên Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1983, HKTT: G, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 11/12/2023 mang tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982, HKTT: Y, PL, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 02/8/2023 mang tên Nguyễn Kim N, sinh năm 1982, HKTT: Lừa, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 03/01/2024 mang tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy mang tên Lại Hữu V, sinh năm 1981, HKTT: N, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 17/5/2023, 22/11/2023 mang tên Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 05/8/2023, ngày 09/9/2023 mang tên Nguyễn Đăng B, sinh năm 1979; HKTT: N, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/8/2023 mang tên Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978; HKTT: thôn Chùa, B, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 10/12/2023 mang tên Mai Văn H1, HKTT: Đông Du Núi, Đ, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 mang tên Tăng Viết T4, sinh năm 1992, HKTT: Khu b, P, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 08/8/2023 mang tên Hoàng Vương L, sinh năm 1981, HKTT: Châu Cầu, Châu Phong, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/8/2023 mang tên Bùi Xuân Đ2, sinh năm 1993, HKTT: X, B, Quế Võ, Bắc Ninh.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số: 68/CT-VKSQV ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn S, Lê Quang D, Nguyễn Tuấn A, Trần Duy H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu và thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn S, Lê Quang D, Nguyễn Tuấn A, Trần Duy H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17;

Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn S từ 16 tháng đến 19 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 38 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lê Quang D từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Trần Duy H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo S số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo còn lại.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- **Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước:** 01 Ipad Gen 10, màu xanh tím than, số seri: D7TM22CDCW (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone XS MAX màu vàng, số Imei: 357275096458085 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone 6s màu trắng bạc, số Imei: 353341076517870 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98 B1- 706.87 số khung: 615034, số máy 3415143; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số Imei: 359231069972063; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imei: 355352087061277; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei: 355769079253622.

- **Đề nghị tịch thu tiêu hủy:** 10 (mười) bạt in quảng cáo, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp giải ngân trong 5 phút, ĐT: 0976191158”; 28 (hai mươi tám) tờ giấy dán, nội dung: “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; 01 chiếc búa đinh; 50 chiếc đinh kim loại; 01 chiếc bút bi mực màu xanh; 01 chiếc bút bi mực màu đỏ;

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án toàn bộ giấy đặt cọc tiền bán xe máy đã thu giữ.

+ Về biện pháp tư pháp:

- Cần buộc Nguyễn Tuấn S phải nộp lại toàn bộ số tiền gốc đã cho vay và số tiền lãi theo quy định là **1.170.158.333 đồng** để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 28.590.000 đồng do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp lại và 30.000.000 đồng Nguyễn Tuấn S đã tự nguyện nộp lại. Số tiền còn phải truy thu đối với S là **1.111.568.333 đồng**.

Đối với số tiền thu lời bất hợp pháp và tiền thu hồ sơ trái phép của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì với đại diện VKSND thị xã Quế Võ, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi, quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người liên quan đã nhận được Giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án nhưng không đến tham dự phiên tòa, đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với không gian, thời gian, địa điểm, phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan kết quả xác minh, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024, tại nhà ông Nguyễn Xuân Trường, sinh năm 1968, ở khu phố T, phường C, thị xã Quế Võ, Nguyễn Tuấn S cùng Lê Quang D và Nguyễn Tuấn A cho 24 người và 72 lượt vay tiền dưới hình thức bốc bát họ với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 15%/1 tháng, 182,5%/năm với số tiền **995.000.000 đồng**. Tức là vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong khi theo quy định của pháp luật chỉ cho phép cho vay tiền với lãi suất không quá 20%/năm tương đương với 1,67%/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là **175.158.333 đồng**; Tiền thu lời bất hợp pháp là **156,196,693 đồng** và thu tiền phí hồ sơ trái quy định là **30.800.000 đồng**. Đến tháng 8/2023, Trần Duy H tham gia cùng S, D, Tuấn A cho vay tiền và thu tiền lời bất chính từ việc cho vay là **106.306.280 đồng** và thu tiền phí hồ sơ trái phép là **22.350.000 đồng**.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo thấy rằng: Nguyễn Tuấn S là người trực tiếp bỏ tiền vốn ra cho vay, thuê nhà làm địa điểm cho vay, thuê người làm nên giữ vai trò đầu trong vụ án.

Bị cáo D, Tuấn A, H là người làm thuê cho S, tham gia với vai trò giúp sức; Trần Duy H làm việc từ tháng 8/2023 đến tháng 01/2024 thu tiền lời bất chính từ việc cho vay là **106.306.280 đồng** và thu tiền phí hồ sơ trái phép là **22.350.000 đồng**. Bị cáo H tham gia sau có vai trò giúp sức nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

3. Về tình tiết năng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

+ Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

+ Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo D, Tuấn A, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo S là người có nhân thân xấu, tại bản án số 15/2011/HSST ngày 01/3/2011 bị cáo bị TAND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 59 tháng 16 ngày về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 01/3/2011. Như vậy bị cáo thuộc trường hợp đã được xóa án tích. Bị cáo S có ông nội là ông Nguyễn Đình Loan được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba, quá trình chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp lại 30.000.000 đồng. Sau khi phạm tội các bị cáo đều đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

4. Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo S mặc dù có nhân thân xấu về tội danh khác nhưng đã được xóa án tích, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đối với bị cáo D, Tuấn A, H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51.

Cả 04 bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu với các quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, HĐXX thấy rằng không cần cách ly các ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần quyết định mức hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phạt bổ sung bị cáo S một khoản tiền để răn đe giáo dục bị cáo; đối với các bị cáo khác không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không khấu trừ thu nhập, tham gia với vai trò người làm thuê nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo còn lại.

5. Về biện pháp tư pháp:

Đối với tiền gốc cho những người vay, tiền lãi và tiền thu hồ sơ trái phép: Đối với số tiền gốc **995.000.000** đồng là tiền dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi thu theo quy định là **175.158.333** đồng là tiền phát sinh từ tội phạm nên căn

cứ Điều 47 BLHS phải truy thu để sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo S phải nộp lại là **1.170.158.333 đồng** để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 28.590.000 đồng do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp lại số tiền mà còn phải trả cho bị cáo và 30.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Tuấn S đã tự nguyện nộp lại trước xét xử. Do vậy, số tiền còn phải truy thu để sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo S là **1.111.568.333 đồng**.

Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm là **156.196.693 đồng** theo quy định của Điều 468 BLDS và tiền thu phí hồ sơ trái quy định là **30.800.000 đồng** là tiền mà người phạm tội thu lời bất chính của người vay, nên căn cứ Điều 48 BLHS cần trả lại người vay. Tuy nhiên trong vụ án này, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy vấn đề này Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết và sẽ được xem xét giải quyết khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đòi lại.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Ipad Gen 10, màu xanh tím than, số seri: D7TM22CDCW (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone XS MAX màu vàng, số Imei: 357275096458085 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone 6s màu trắng bạc, số Imei: 353341076517870 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98 B1- 706.87 số khung: 615034, số máy 3415143; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số Imei: 359231069972063; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imei: 355352087061277; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei: 355769079253622 đều là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 10 (mười) bạt in quảng cáo, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp giải ngân trong 5 phút, ĐT: 0976191158”; 28 (hai mươi tám) tờ giấy dán, nội dung: “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; 01 chiếc búa đinh; 50 chiếc đinh kim loại; 01 chiếc bút bi mực màu xanh; 01 chiếc bút bi mực màu đỏ còn ít giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với toàn bộ giấy đặt cọc tiền bán xe máy đã thu giữ, đây là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với những giấy tờ: căn cước công dân (CCCD), chứng minh thư nhân dân (CMTND), sổ hộ khẩu, bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, giấy chứng nhận, giấy đăng ký xe mô tô, sổ bảo hiểm xã

hội, bằng tốt nghiệp cao đẳng nêu trên, quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu hợp pháp, đây là các giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của chủ sở hữu hợp pháp nên ngày 02/4/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Trọng Đ, anh Nguyễn Hữu Đ1, anh Hoàng Đình S1, anh Lê Ngọc Ng, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Tuấn B, anh Nguyễn Văn K, anh Phạm Đình Tr, anh Nguyễn Thế T, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị Ch, anh Nguyễn Kim N, anh Nguyễn Văn Q, anh Lại Hữu V, anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Đăng B, anh Nguyễn Văn N1, anh Tăng Viết T4, anh Phạm Văn Thành, anh Nguyễn Khắc Đức, anh Nguyễn Văn N2 là đúng quy định, các chủ sở hữu đã nhận lại và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với số tiền 25.590.000 đồng mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp lại cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, tuy nhiên được khấu trừ phần truy thu cho Nguyễn Tuấn S.

[7] Liên quan trong vụ án:

Đối với ông Nguyễn Xuân Trường cho S thuê nhà, quá trình điều tra xác định được ông Trường không biết S thuê nhà để làm cơ sở cho vay tiền lãi suất cao nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã không xử lý mà chỉ nhắc nhở là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn S, Lê Quang D, Trần Duy H và Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

+ Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Tuấn S 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn S 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Lê Quang D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Duy H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung cho các Bị cáo D, Tuấn A, H.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn S cho UBND phường T, quận H, Thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Quang D cho UBND xã N, Huyện A, Thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho UBND xã T, huyện A, Thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Duy H cho UBND phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước:* 01 Ipad Gen 10, màu xanh tím than, số seri: D7TM22CDCW (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone XS MAX màu vàng, số Imei: 357275096458085 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Iphone 6s màu trắng bạc, số Imei: 353341076517870 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 98 B1- 706.87 số khung: 615034, số máy 3415143; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số Imei: 359231069972063; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imei: 355352087061277; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei: 355769079253622.

- *Tịch thu tiêu hủy:* 10 (mười) bạt in quảng cáo, nội dung: “Cho vay tiêu dùng không cần thế chấp giải ngân trong 5 phút, ĐT: 0976191158”; 28 (hai mươi tám) tờ giấy dán, nội dung: “Cho vay tiền không cần thế chấp 0936792331”; 01 chiếc búa đinh; 50 chiếc đinh kim loại; 01 chiếc bút bi mực màu xanh; 01 chiếc bút bi mực màu đỏ.

Các vật chứng và số tiền nêu trên theo Biên bản bàn giao vật chứng số 108 ngày 11/6/2024 giữa Công an thị xã Quế Võ với Chi cục THADS thị xã Quế Võ.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án các giấy đặt cọc tiền bán xe máy mang tên Phạm Văn Th, sinh năm 1974, HKTT: Thôn V, B, Quế Võ, Bắc Ninh; 01 tờ giấy có A4 có nội dung danh sách thông tin 24 người vay; giấy đặt cọc mua bán xe máy đề ngày 04/8/2024 mang tên Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983, HKTT: thôn Th, xã CL, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền mua bán xe máy đề ngày 15/01/2024, giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 12/12/2023; giấy đặt cọc tiền bán xe máy, đề ngày 23/11/2023 mang tên Hoàng Đình S1, sinh năm 1975, HKTT: Đ, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 21/6/2023 mang tên Lê Ngọc Ng, sinh năm 1983; HKTT: Khu a, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt tiền bán xe máy đề ngày 10/11/2023 mang tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 mang tên Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988; HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/5/2023 mang tên Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1976, HKTT: M, Ph, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 30/6/2023 mang tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, HKTT: T, C, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/10/2023 mang tên Phạm Đình Tr, sinh năm 1982, HKTT: Q, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 22/11/2023 mang tên Nguyễn Thê T, sinh năm 1980, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/8/2023 mang tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, HKTT: V, V, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 02/6/2023 mang tên Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1983, HKTT: G, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 11/12/2023 mang tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982, HKTT: Y, PL, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 02/8/2023 mang tên Nguyễn Kim N, sinh năm 1982, HKTT: Lừa, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 03/01/2024 mang tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, HKTT: L, Q, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy mang tên Lại Hữu V, sinh năm 1981, HKTT: N, P, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 17/5/2023, 22/11/2023 mang tên Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, HKTT: C, N, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 05/8/2023, ngày 09/9/2023 mang tên Nguyễn Đăng B, sinh năm 1979; HKTT: N, VH, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 26/8/2023 mang tên Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978; HKTT: thôn Chùa, B, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 10/12/2023 mang tên Mai Văn H1, HKTT: Đông Du Núi, Đ, Quế Võ, Bắc Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 28/11/2023 mang tên Tăng Viết T4, sinh năm 1992, HKTT: Khu b, P, Quế Võ, Bắc Ninh; Giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 08/8/2023 mang tên Hoàng Vương L, sinh năm 1981, HKTT: Châu Cầu, Châu Phong, Quế Võ, Bắc

Ninh; giấy đặt cọc tiền bán xe máy đề ngày 13/8/2023 mang tên Bùi Xuân Đ2, sinh năm 1993, HKTT: X, B, Quế Võ, Bắc Ninh.

+ **Về biện pháp tư pháp:** Truy thu của bị cáo Nguyễn Tuấn S số tiền **1.170.158.333** đồng để sung Ngân sách Nhà nước (Xác nhận bị cáo S đã nộp số tiền 25.590.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001564 ngày 11/6/2024 và số tiền 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001626 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quế Võ). Số tiền còn lại phải truy thu đối với bị cáo S để sung quỹ Nhà nước là **1.111.568.333** đồng.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo S, D, Tuấn A, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an, VKSND, THADS thị xã Quế Võ;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Thành Tô, quận Hải An, TP Hải Phòng;
- UBND xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng;
- UBND xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng;
- UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng;
- Các Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS, VT;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Xuân Nhân